

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-12-2022
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đăng Đông và ông Vũ Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu H, TT K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện tại: Thôn KL, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu H, TT K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1941. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn KL, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu H, TT K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT K vào năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình bố mẹ đẻ của anh L1 tại TT K. Vợ chồng hạnh phúc được hơn 1 năm thì vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn. nguyên nhân là do anh L1 nghiện ma túy từ trước khi kết hôn với chị, nhưng đến khi về chung sống chị mới biết, anh L1 thường xuyên đòi hỏi chị đưa tiền để tiêu sài vào việc cá nhân, còn chị vì thu nhập cũng thấp, lại phải trang trải cuộc sống gia đình nên không có tiền để đưa anh L1. Do đó, anh L1 thường chửi bới, đánh chị, thậm chí có lần do bố đẻ của chị biết sự việc, can thiệp nên anh L1 đã phải tự viết cam kết không đánh chị nữa. Quá trình mâu thuẫn như vậy kéo dài suốt quá trình chung sống. Trong quá trình đó, bố mẹ, các anh chị em nhà chồng cũng có khuyên bảo anh L1, nhưng anh L1 không hề thay đổi. Đến năm 2018 thì chị không chịu được cuộc sống chung đó nữa nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Kim Lũ, P sống ly thân anh L1 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và không khắc phục được, đã sống ly thân thời gian dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1.

Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 24/11/2005 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/10/2003 (đã thành niên). Đối với con Nguyễn Phương A đã thành niên, chị không yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng. Đối với con Nguyễn Văn C có nguyện vọng được anh L1 nuôi dưỡng nên chị đồng ý và đề nghị giải quyết để anh L1 nuôi dưỡng. Mặc dù anh L1 không có đề nghị cấp dưỡng nuôi con nhưng chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho anh L1 nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có lời khai gửi đến Tòa án hoặc đến Tòa án trình bày lời khai về yêu cầu khởi kiện của chị L, không tham gia hòa giải, không có mặt tại phiên tòa.

Con chung chưa thành niên của chị L và anh L1 là cháu C trình bày nguyện vọng được anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L và anh L1 ly hôn.

Người làm chứng là ông Nguyễn Hồng T, bố đẻ của chị L khai: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L1 đòi hỏi chị L đưa tiền, như nội dung chị L đã trình bày. Nhiều lần, anh L1 chửi bới, đánh đập chị L khiến ông T phải can thiệp, buộc anh L1 phải thừa nhận và cam kết không đánh đập chị L bằng văn bản và ông đã nộp cho Tòa án văn bản này. Tuy vậy, sau đó anh L1 vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết. Năm 2018, chị L đã bỏ về sống với gia đình ông tại thôn Kim Lũ, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên cho đến nay và không quay lại với anh L1 nữa.

Theo quan điểm của ông T, mâu thuẫn vợ chồng chị L không thể khắc phục được. Vì vậy, ông cho rằng nếu Tòa án hòa giải không thành thì giải quyết cho anh chị ly hôn là phù hợp.

Người làm chứng là ông Phạm Văn Th khai: Ông Th là anh rể của anh L1, sống cùng khu với gia đình anh L1. Theo ông Th chứng kiến mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh L1 có nguyên nhân một phần là do anh L1 trước có bị nghiện ma túy nên cũng có lúc những lời lẽ khiến cho vợ chồng xảy ra cãi nhau. Sau đó, anh L1 quyết tâm cai nghiện và đã thành công. Năm 2013, thì chị L đi lao động ở nước ngoài (Malaysia) và đi một mạch cho đến cách thời điểm hiện tại khoảng 2 năm thì đã về nước và chỉ ở bên ngoài ở huyện Ân, tỉnh Hưng Yên. Trong suốt quá trình đó, chị L chỉ về thăm con được 3 ngày. Từ khi về nước cho đến nay, nhìn chung chị L hoàn toàn không quan tâm gì đến chồng con nữa, thậm chí con bị bệnh, phải vào viện cấp cứu chị cũng không quan tâm. Về phía anh L1 cũng đã níu kéo nhiều lần, nhưng xác định không có kết quả, nên anh L1 cũng không gặp chị L để bàn về chuyện vợ chồng đoàn tụ nữa. Cho đến nay anh L1 cũng muốn ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng nữa. Hiện tại anh L1 sống cùng với mẹ đẻ, có công việc với thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng con chung của anh chị.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện anh chị trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, đã sống ly thân được vài năm. Lý do anh L1 không ký nhận văn bản tố tụng là vì anh theo Công giáo. Anh L1 và chị L có 2 con, các con hiện đang sống cùng với anh L1 và đều có sức khỏe tốt, phát triển bình thường.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã cơ bản tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt không lý do là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L1 nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn C cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L trong việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con (Nguyễn Văn C) hàng tháng 1.000.000 đồng.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên, bị đơn.

[2] Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân TT K, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn khoảng một năm thì vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần là anh L1 nghiện ma túy, phần khác là do mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và xô xát, mặc dù đã được gia đình đôi bên hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không có giải pháp để khắc phục. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh L1 vắng mặt, chị L đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn yêu cầu ly hôn. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị L được ly hôn anh L1 là phù hợp quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị L và anh L1 có 02 con chung. Đối với con Nguyễn Phương A đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, đương sự không ý kiến, yêu cầu xem xét việc nuôi dưỡng; đối với con Nguyễn Văn C đã gần đủ 18 tuổi, đang sống cùng anh L1 và có nguyện vọng được anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị L cũng đồng ý với nguyện vọng của con, đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, cần giao con Nguyễn Văn C cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật. Chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Mặc dù từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, anh L1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng để đảm bảo tốt nhất quyền lợi được chăm sóc của con chung, nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị L trong bản án.

[3] **Về tài sản chung:** Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết .

[4]. **Về án phí:** Chị L là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với việc cấp dưỡng, do anh L1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Tòa án không phải quyết định nghĩa vụ cấp dưỡng của chị L, mà chỉ ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị L để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con chưa thành niên, nên chị L không phải chịu án phí về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L1 trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn C, sinh ngày 24/11/2005 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc chị L cấp dưỡng nuôi con chung (Nguyễn Văn C) hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng một tháng), kể từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày anh L1 có đơn yêu cầu thi hành án, chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003974 ngày 07/10/2022. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Chị L, anh L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông báo bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND TT K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Cường